

nhận đầy đủ các văn bản nhưng cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh G vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh G theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh G có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Đến đầu năm 2020, chị T đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Đối với anh G mặc dù biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt, không thể hiện quan điểm. Chứng tỏ anh G không có thiện chí níu kéo tình cảm để vợ chồng trở về đoàn tụ. Xét cuộc sống chung của chị T và anh G không hàn gắn được, chị T cương quyết ly hôn anh G nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh G là phù hợp quy định.

[2] Về con: Vợ chồng chưa có con chung nên chị không có yêu cầu.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn G.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010702 ngày 09/3/2020 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã NT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

